

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 26-6-2020.

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Như Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Đức

Ông Nguyễn Tấn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 234/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị A, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp C, xã D, thị xã E, tỉnh F– Vắng mặt có đơn xin.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp C, xã D, thị xã E, tỉnh F– Vắng mặt có đơn xin.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị A trình bày:

Chị và anh B cưới nhau vào năm 1998, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, thị xã E vào ngày 26-9-2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống bên chồng tại ấp C, xã D, thị xã E, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và ly thân từ năm 2018 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, dù sống chung nhà nhưng vợ chồng không còn tình cảm với nhau, anh B cũng không quan tâm gì đến chị, vợ chồng không ai nói đến ai, mặc ai nấy sống. Kéo dài đến tháng 3-2020, chị không chịu được nữa nên bỏ về nhà mẹ ruột sống đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Công H, sinh ngày

03-11-2005 và Nguyễn Thị Kim G, sinh ngày 23-02-2009; hiện cháu H đang sống cùng anh B và cháu G hiện đang sống cùng với chị. Sau khi ly hôn về con chung tùy theo ý kiến của con, theo ai người đó nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung, nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày: Thông nhất lời trình bày của chị A về ngày tháng chung sống, con chung, nợ chung và thời gian ly thân là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn do trong cuộc sống vợ chồng thường bất đồng quan điểm trong chuyện tiền bạc, sinh hoạt gia đình nên xảy ra xung đột, cãi vã nhau. Nay anh đồng ý ly hôn với chị A.

Về con chung: Tùy theo ý kiến của con, theo ai người đó nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị A đối với anh B.

- Về con chung:

+ Giao cháu Nguyễn Thị Kim G, sinh ngày 23-02-2009 cho chị A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

+ Giao cháu Nguyễn Công H, sinh ngày 03-11-2005 cho anh B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục

Ghi nhận chị A, anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị A, anh Nguyễn Văn B vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị A và anh B tự nguyện cưới nhau vào năm 1998, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, thị xã E vào ngày 26-9-2005. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do trong thời gian chung sống gia đình anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm, dẫn đến cãi vã nhau, gây mất hạnh phúc gia đình. Hiện cả chị A và anh B đều có mong muốn được ly hôn. Từ đó cho thấy, cả hai người đã bỏ mặc cuộc hôn nhân của mình, không còn ý muốn đoàn tụ chung sống. Vì vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị A và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nhận thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh B theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Hai cháu Nguyễn Công H, sinh ngày 03-11-2005 và Nguyễn Thị Kim G, sinh ngày 23-02-2009, hiện nay cháu H đang sống cùng anh B, cháu G đang sống cùng chị A. Cháu H và cháu G đều đã trên 07 tuổi. Qua làm việc, cháu H có nguyện vọng được sống cùng với cha và cháu G có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao anh B được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H; giao chị A được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu G là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị A, anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã E về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Trần Thị A đối với anh Nguyễn Văn B. Cho ly hôn giữa chị Trần Thị A và anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung:

- Giao cháu Nguyễn Thị Kim G, sinh ngày 23-02-2009 cho chị A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Giao cháu Nguyễn Công H, sinh ngày 03-11-2005 cho anh B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Ghi nhận chị A, anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.
- Chị A, anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Trần Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018174 ngày 26 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng; Chị A đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị A, anh B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã Phước Chí;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hà Như Thủy